CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu

Ngày 31/12/2024	3,220 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.5%	-	-

DT thuần
Q4/24
59.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.1| -36.4%
YoY: ▼674| -91.9%

LN thuần
Q4/24
-224
tỷ VNĐ
QoQ: ▼64.0| -40.0%
YoY: ▲ 1.00| 0.4%

LN sau thuế
Q4/24
-234
tỷ VNĐ
QoQ: ▼51.0| -27.6%
YoY: ▼13.0| -5.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-115%
YoY: +/-▼ 123%

ROE
2024
-64.4%
YoY: +/-▼ 67.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,030 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	406
Số lượng CPLH (CP)	126,169,780
KLGD BQ 20 phiên (CP)	429,395
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.89
EPS	-6,106
P/E	-0.5

DT thuần
2024
678
tỷ VNĐ
YoY: ▼5,421| -88.9%

LN thuần
2024
-758
tỷ VNĐ
YoY: ▼819| -1343%

LN sau thuế
2024
-790
tỷ VNĐ
YoY: ▼837| -1768%

Cơ cấu sở hữu

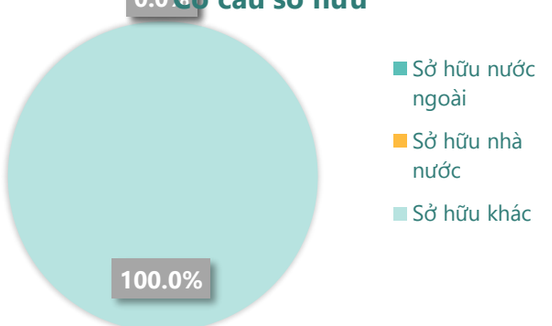

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

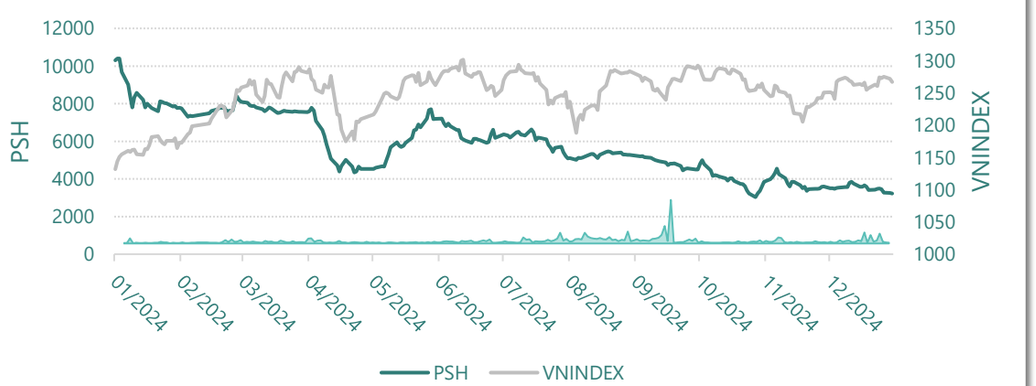

Cơ cấu cổ đông

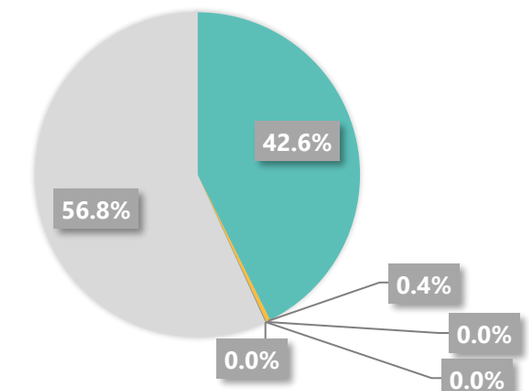

- Mai Văn Huy (Chủ tịch HĐQT)
- Mai Hữu Phúc
- Bùi Văn Ninh (Kế toán trưởng)
- Đoàn Thanh Tâm
- Hà Ngọc Thường (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

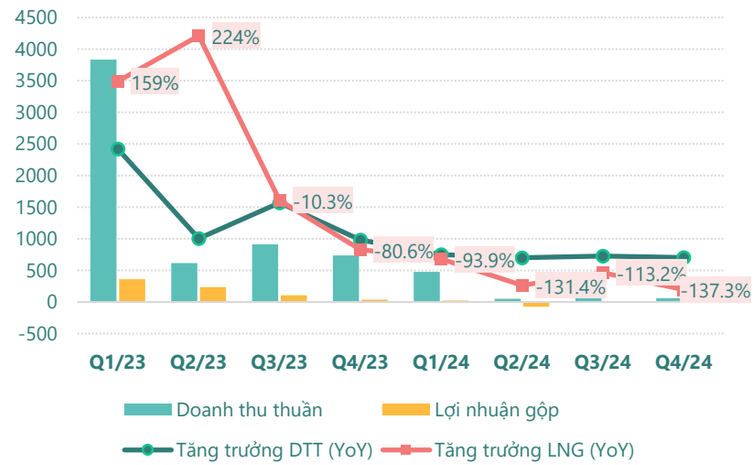

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

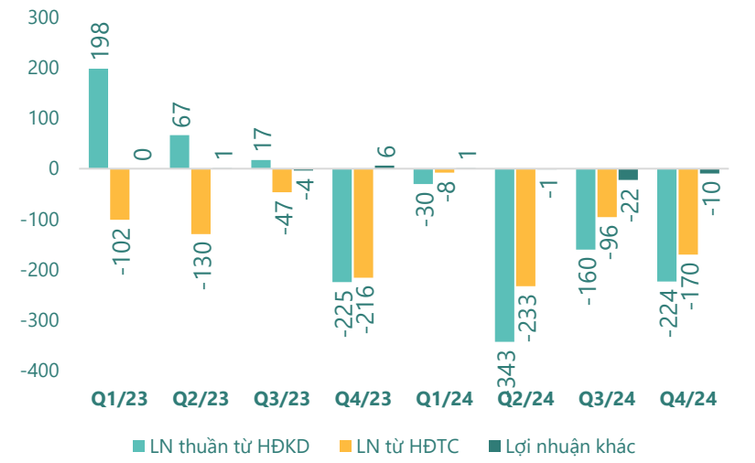

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

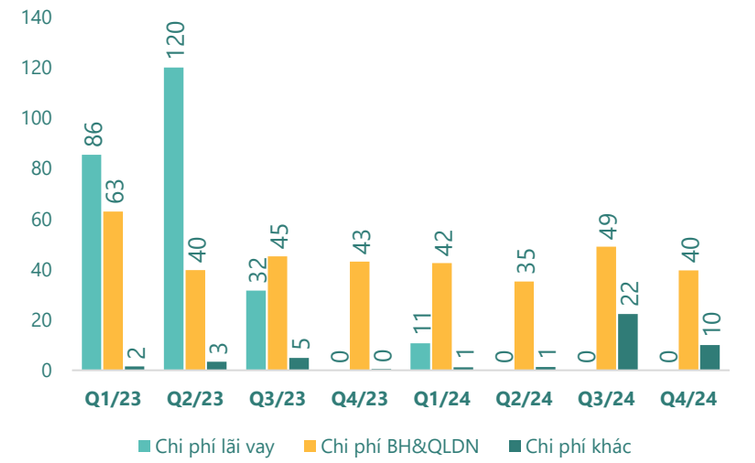

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

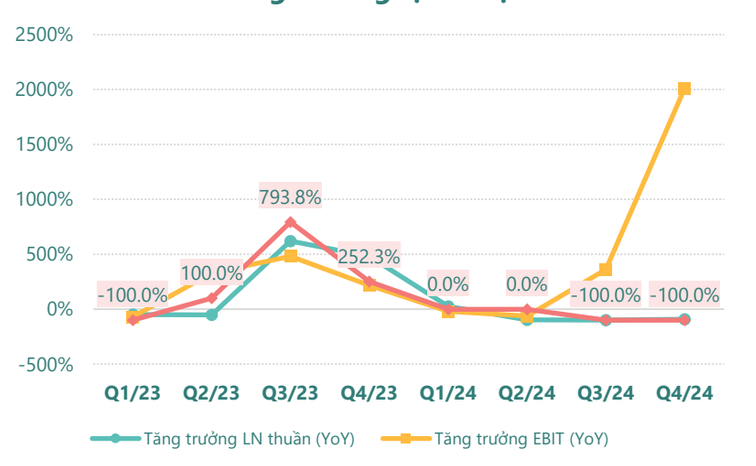

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

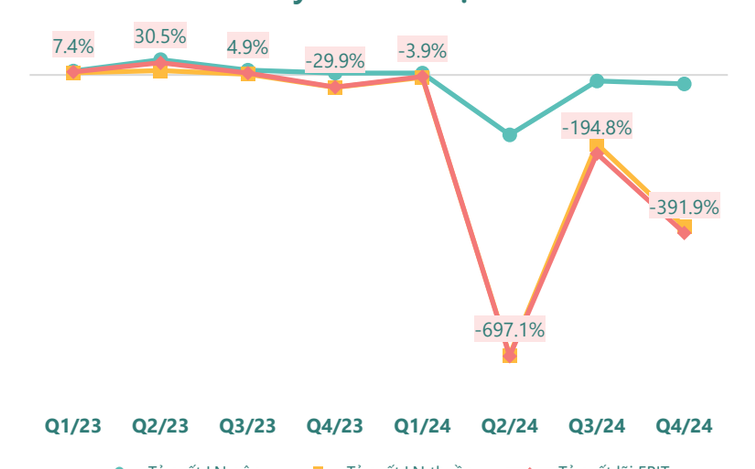

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

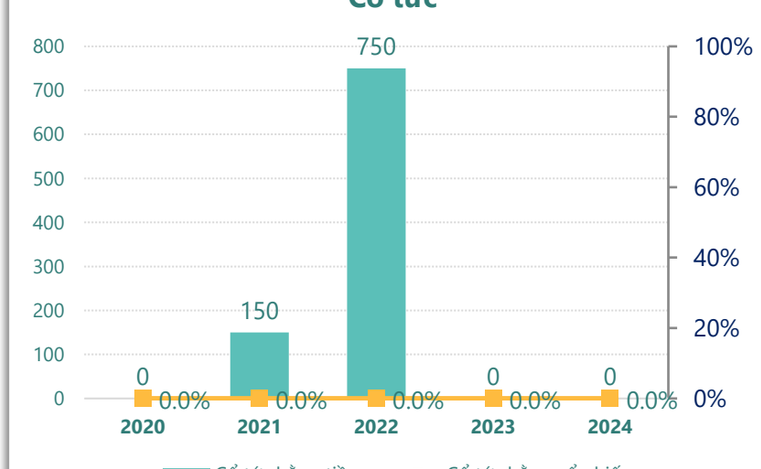

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

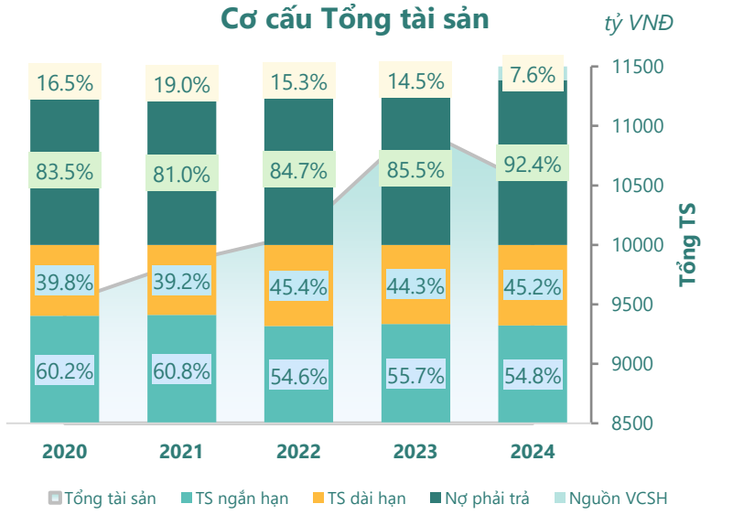

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

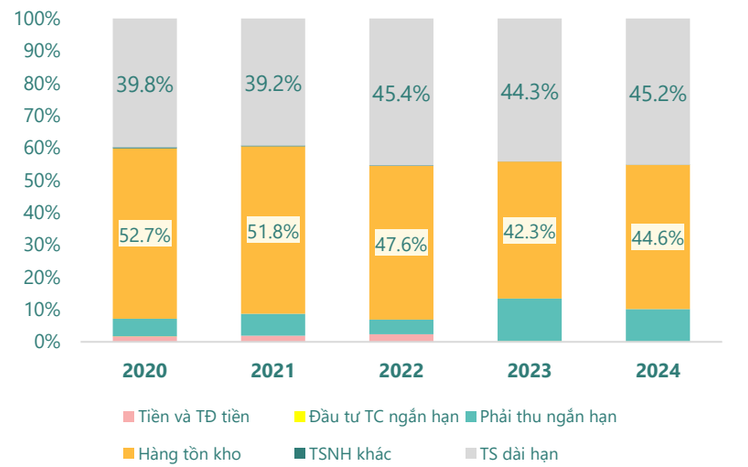

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

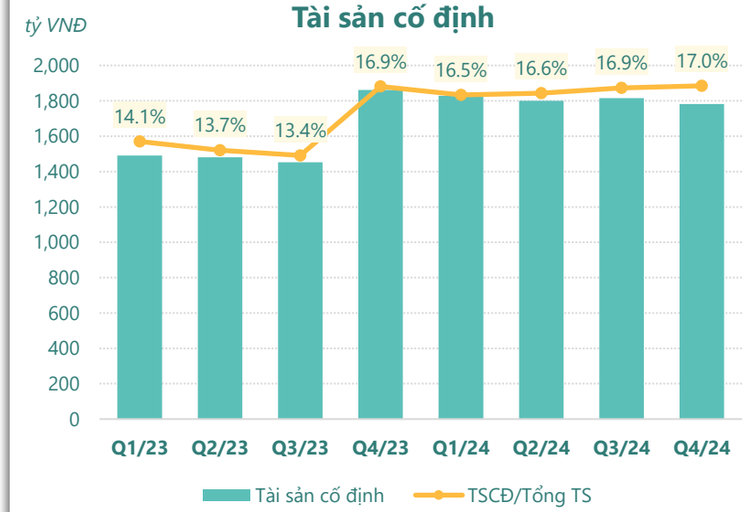

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

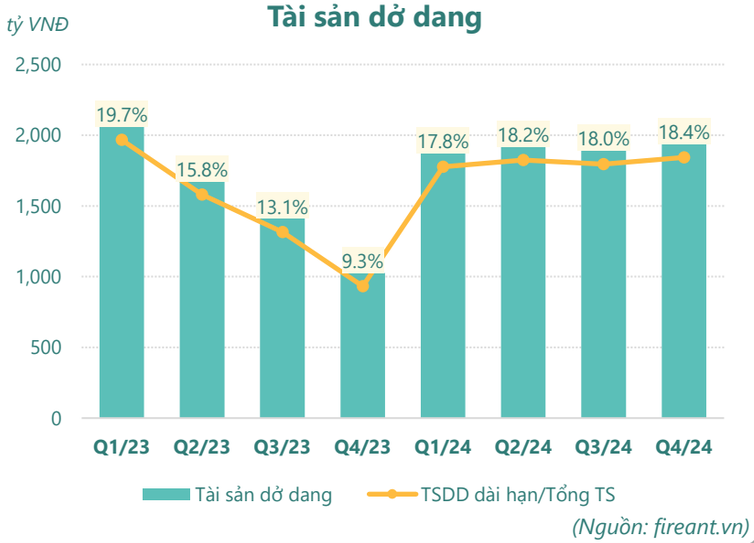

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

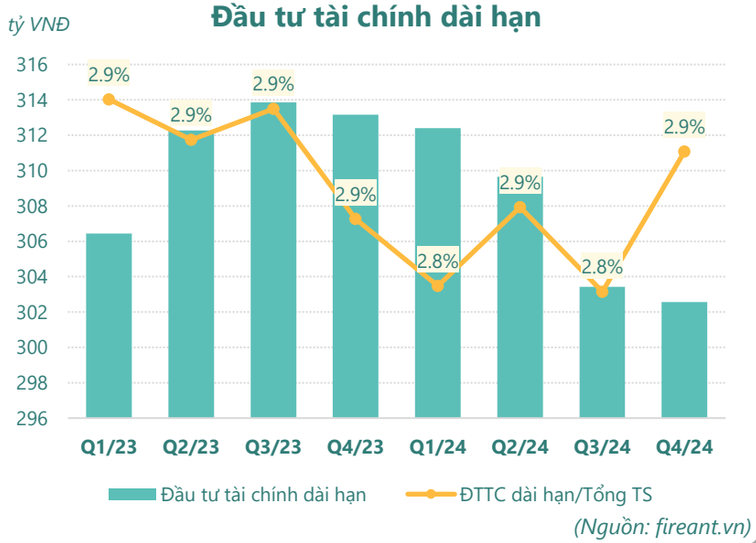

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

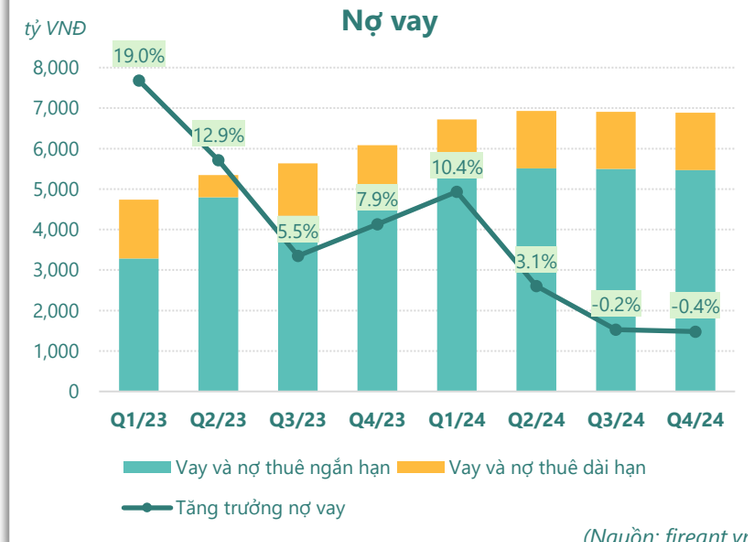

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

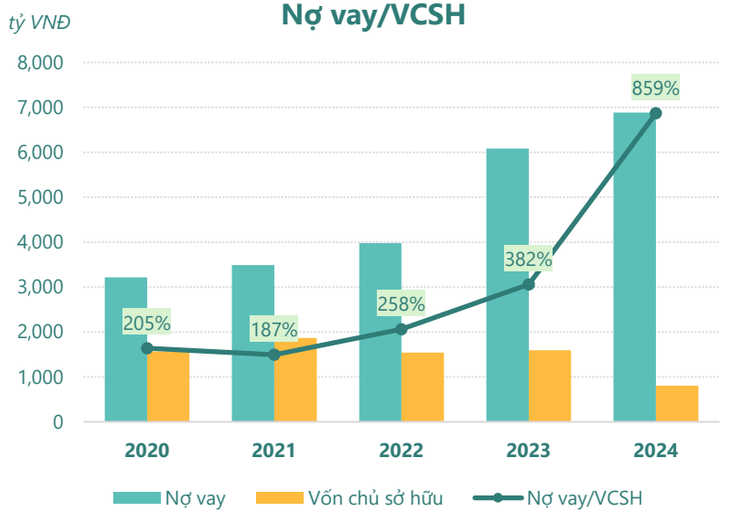

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

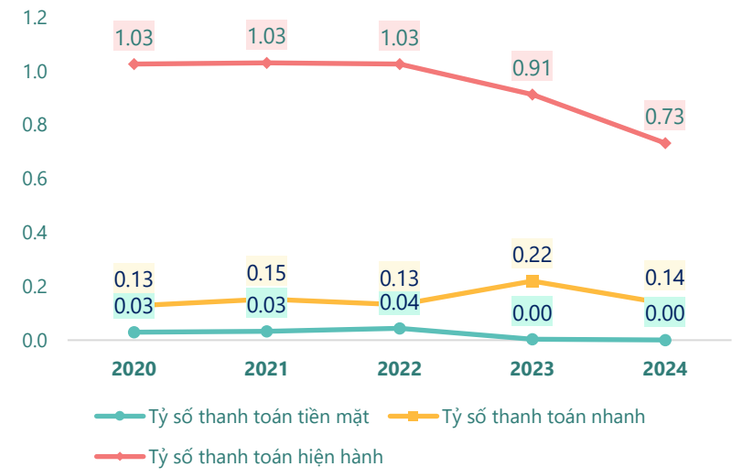

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

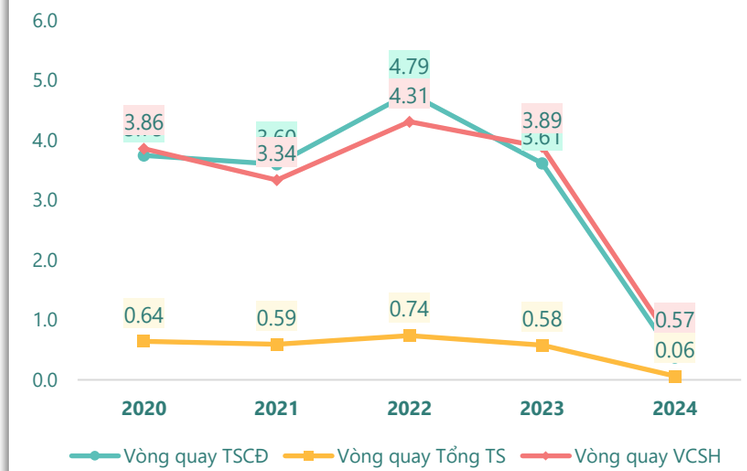

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

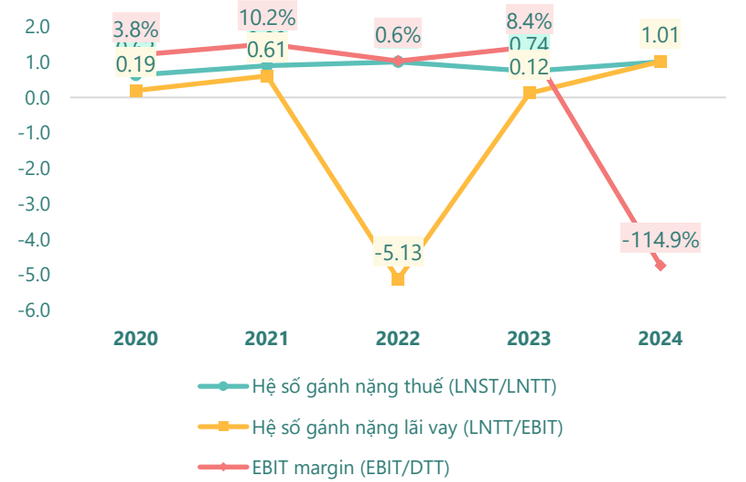

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

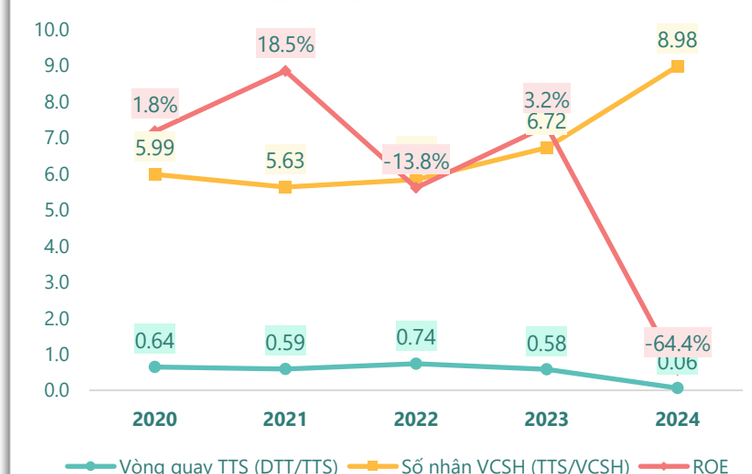

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

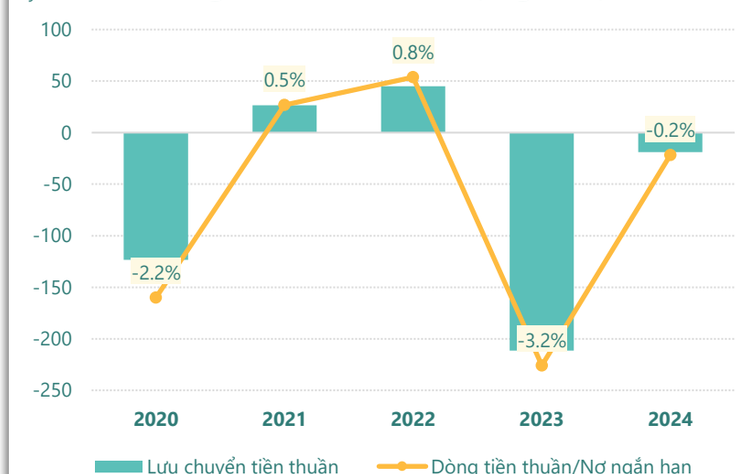

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**59.6**	**734**	**-91.9%**	**678**	**6,099**	**-88.9%**
Giá vốn hàng bán	72.7	699	-89.6%	757	5,356	-85.9%
Lợi nhuận gộp	-13.2	35.2	-137%	-78.7	743	-111%
Doanh thu HĐTC	-9.68	-5.35	-80.9%	1.62	6.78	-76.1%
Chi phí TC	161	211	-23.9%	509	501	1.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		10.7	451	-97.6%
LN trong công ty LKLD	**-0.88**	**-1.16**	**24.4%**	**-5.49**	**2.55**	**-315%**
Chi phí bán hàng	27.1	16.6	63.1%	112	126	-11.8%
Chi phí QLDN	**12.6**	**26.6**	**-52.6%**	**55.0**	**64.6**	**-14.8%**
LN thuần từ HĐKD	-224	-225	0.4%	-758	61.0	-1343%
Lợi nhuận khác	**-9.52**	**5.88**	**-262%**	**-31.8**	**2.88**	**-1206%**
LN trước thuế	-234	-219	-6.6%	-790	63.9	-1337%
Lợi nhuận sau thuế	**-234**	**-221**	**-5.7%**	**-790**	**47.4**	**-1768%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-231**	**-221**	**-4.4%**	**-770**	**50.8**	**-1616%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-292	-517	-639	-213	10.7	27.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.1	34.4	-3.00	-7.13	6.22	-2.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	292	446	633	210	-16.5	-25.9
Tiền đầu kỳ	94.1	60.7	24.2	15.7	5.58	6.02
Lưu chuyển tiền thuần	**-33.5**	**-36.5**	**-8.46**	**-10.1**	**0.44**	**-0.80**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	60.7	24.2	15.7	5.58	6.02	5.23

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**10,504**	**10,992**	**-4.4%**
Tài sản ngắn hạn	5,755	6,128	-6.1%
Tiền và tương đương tiền	5.23	24.2	-78.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	0.01	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,064	1,446	-26.4%
Hàng tồn kho	4,682	4,654	0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	3.65	2.89	26.5%
Tài sản dài hạn	**4,749**	**4,864**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	13.3	12.9	2.7%
Tài sản cố định	1,782	1,856	-4.0%
Bất động sản đầu tư	482	482	0.0%
Tài sản dở dang	1,935	1,959	-1.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	303	313	-3.4%
Tài sản dài hạn khác	**232**	**237**	**-2.0%**
Lợi thế thương mại	2.14	3.86	-44.4%
Nợ phải trả	9,702	9,401	3.2%
Nợ ngắn hạn	**7,851**	**6,704**	**17.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,471	4,672	17.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	53.2	126	-57.8%
Nợ dài hạn	1,851	2,697	-31.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,413	1,411	0.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**802**	**1,591**	**-49.6%**
Vốn chủ sở hữu	**802**	**1,591**	**-49.6%**
Vốn điều lệ	1,262	1,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)